

KHẢO SÁT TƯƠNG QUAN GIỮA TI-RADS VÀ TẾ BÀO HỌC CỦA NHÂN GIÁP

Trình bày: BSCKII.PHẠM NGỌC THÁI

NỘI DUNG

1. Đặt vấn đề.
2. Đối tượng và phương pháp.
3. FNA.
4. Kết quả.
5. Kết luận.

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Tỷ lệ nhân giáp ác tính rất thấp, chỉ khoảng 5-15% trong số các nhân giáp phát hiện qua siêu âm.
- Cần phân loại chính xác nguy cơ ác tính của nhân giáp để có phương pháp điều trị hợp lý.
- TI-RADS giúp phân loại nguy cơ ác tính dựa trên đặc điểm siêu âm.



ĐẶT VẤN ĐỀ

Tuy nhiên phân loại này vẫn bỏ sót một tỉ lệ các nhân nhỏ có kết quả tế bào học là ác tính. Tại Việt Nam, một tỉ lệ không nhỏ những bệnh nhân không thể theo dõi sát các nhân giáp nghi ngờ, nên việc thực hiện xét nghiệm tế bào học sớm ở các nhân nhỏ để quyết định kế hoạch điều trị cho bệnh nhân là cần thiết. Do đó chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với các mục tiêu sau:

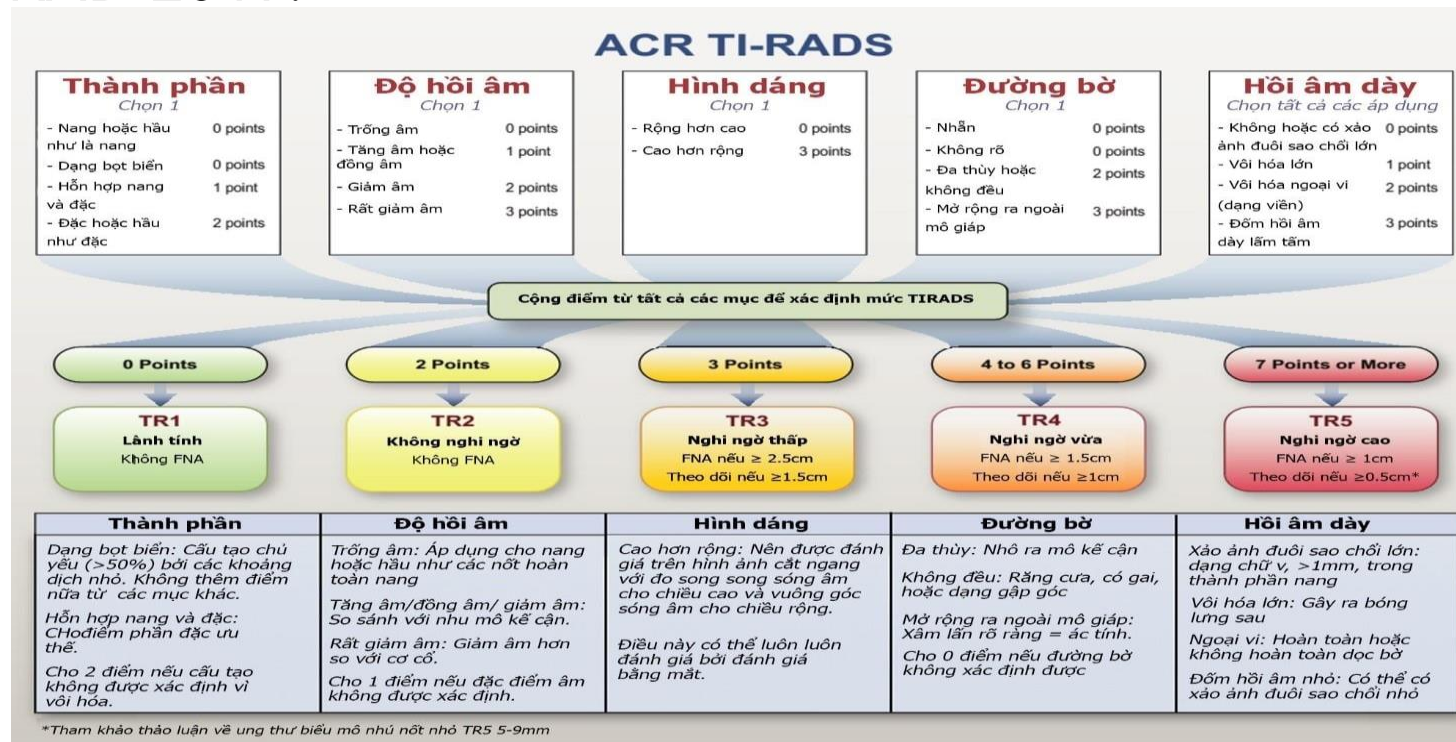
- 1) Mô tả đặc điểm hình ảnh của nhân giáp lành tính và nhân giáp ác tính trên siêu âm theo phân loại ACR-TIRADS 2017.
- 2) Xác định tỷ lệ tế bào học ác tính ở các nhân TI-RADS 2, TI-RADS 3, TI-RADS 4 và TI-RADS 5.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu tiến cứu.
- **Đối tượng nghiên cứu:** Các bệnh nhân được siêu âm và phát hiện nhân giáp xếp loại TI-RADS 2, TI-RADS 3, TI-RADS 4, TI-RADS 5 theo tiêu chuẩn ACR-TIRADS 2107 và có kết quả tế bào học lành tính hoặc ác tính.
- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Trong thời gian từ tháng 05 năm 2024 đến tháng 08 năm 2024 tại Bệnh viện Hoàn Mỹ Vạn Phúc 2.

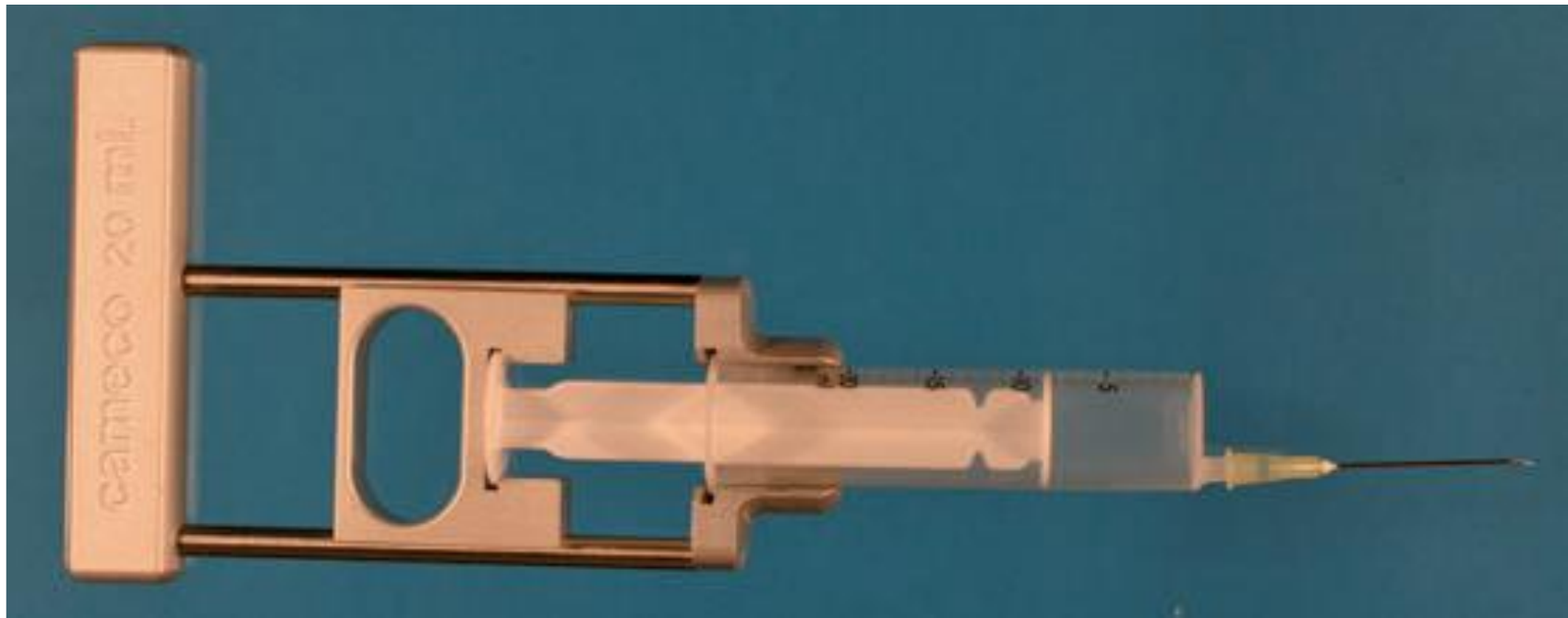
ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- **Cở mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện, cỡ mẫu 30.
- **Định nghĩa biến số:** Các đặc điểm khác của nhân giáp bao gồm thành phần, phản âm, hình dáng, đường bờ, đóng vôi được phân loại theo ACR-TIRAD 2017.



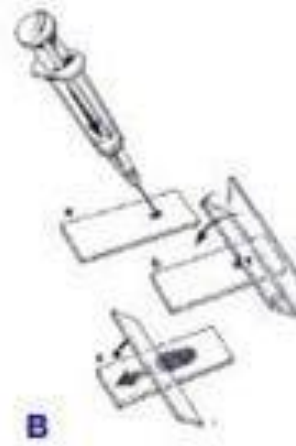
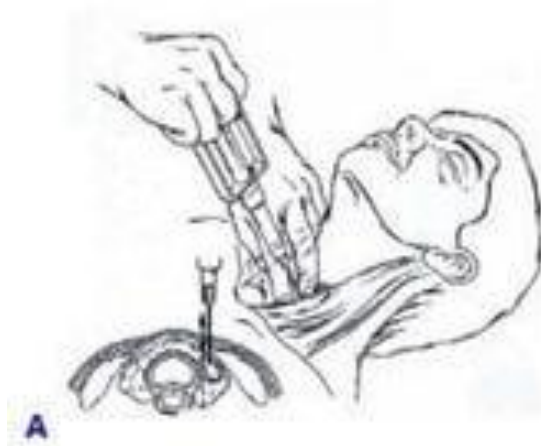
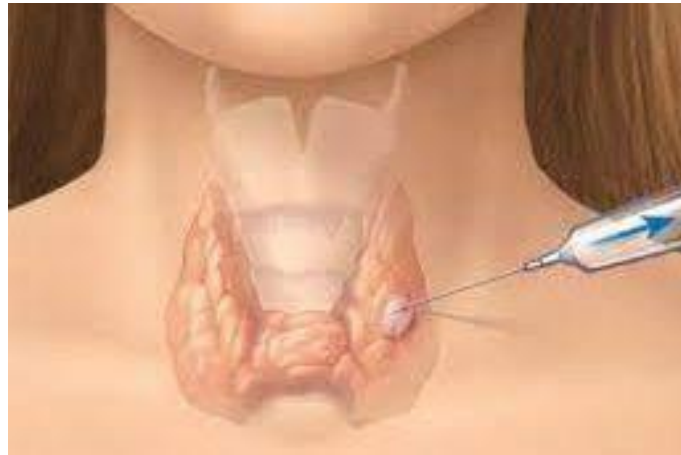
FNA

Dụng cụ : Kim 22G – 25G là thường dùng nhất, cố định bằng cồng tuyệt đối 95%.



FNA

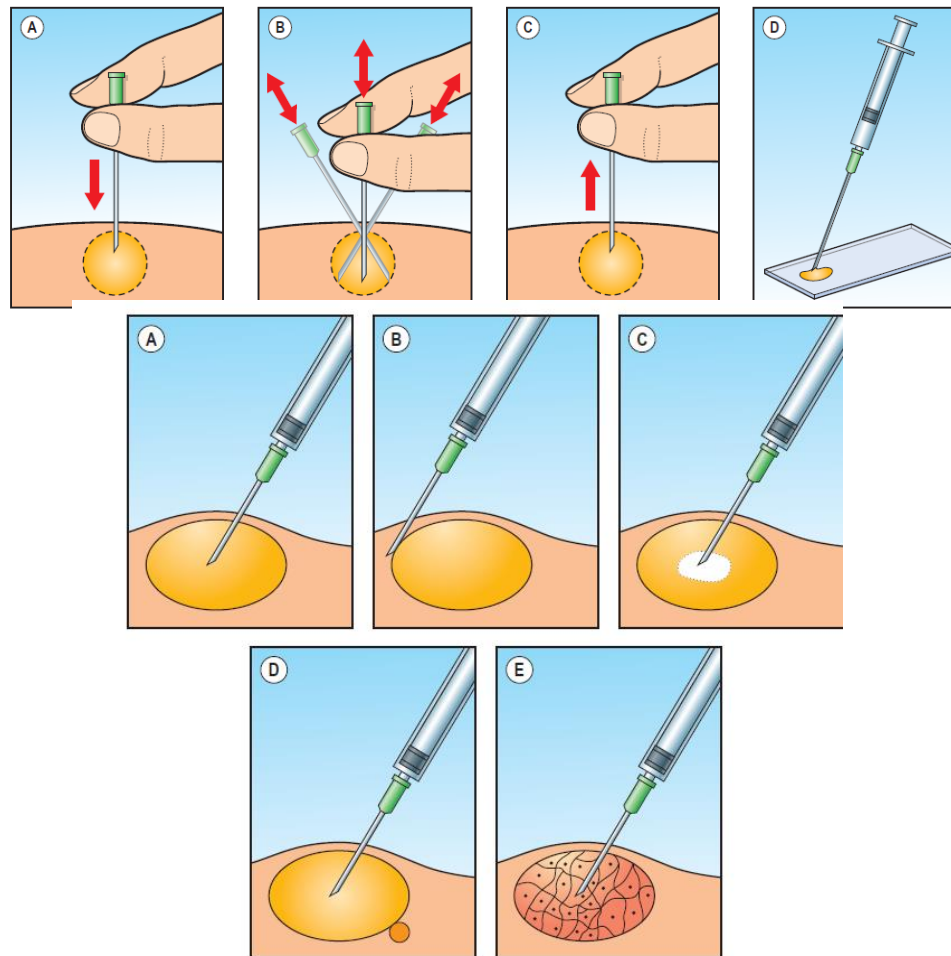
Đường tiếp cận tổn thương ngắn nhất, thuận tay và dễ nhìn nhất, đặc biệt có hướng dẫn hình ảnh.



FNA

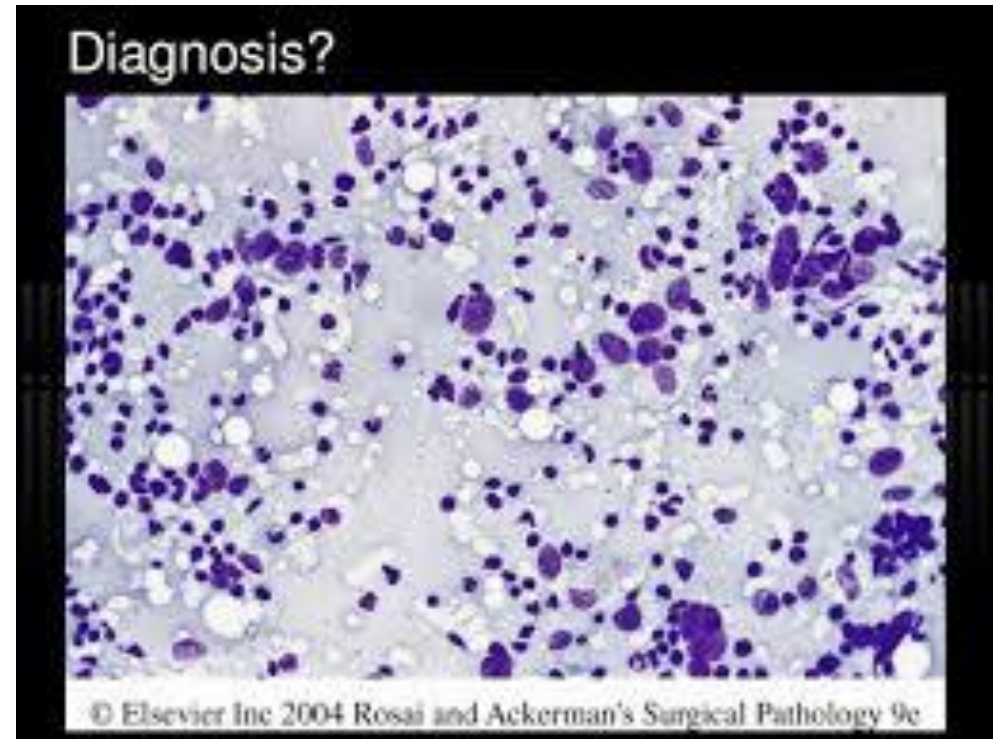
❖ Kỹ thuật FNA.

- CAPILLARY METHOD : nếu chảy máu, rút kim và đè ép.

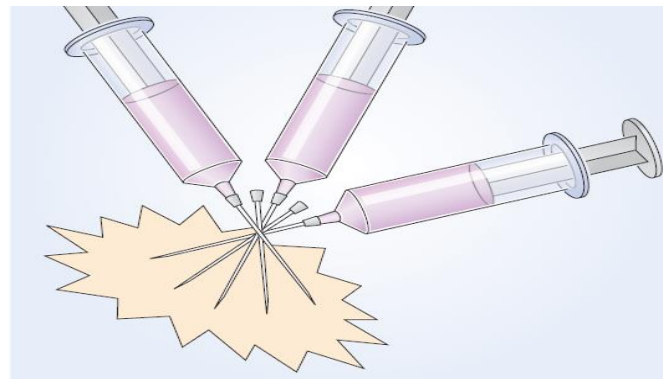
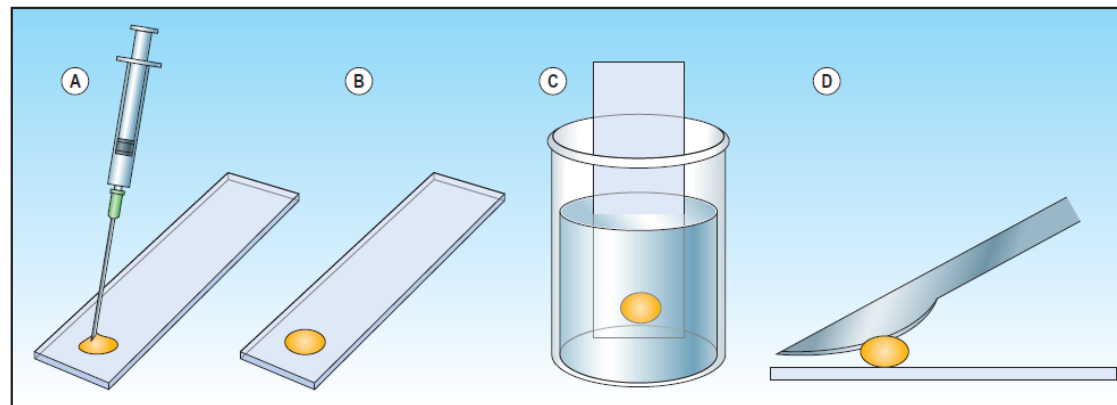
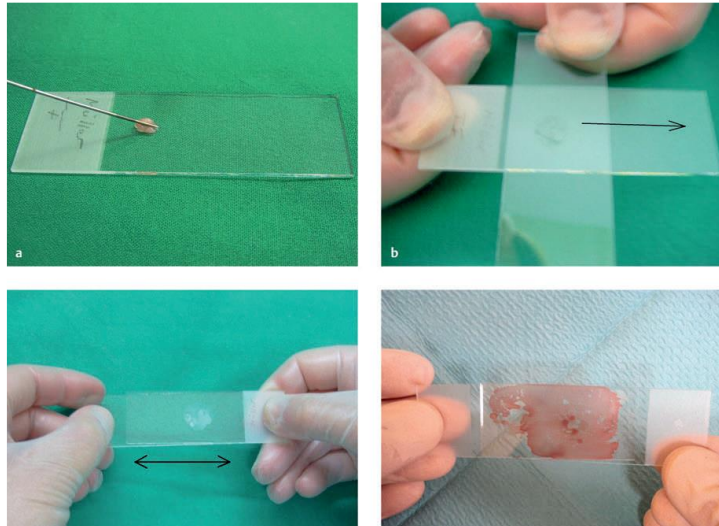


FNA

- SAFE.
- + Simple (dụng cụ, nhuộm Papanicolaou).
- + Accuracy (đúng cách và đủ).
- + Fast (tại phòng khám 5', 30').
- + Economy.
- + Tiêu chuẩn : ít nhất 6 đám tế bào biểu mô. Mỗi đám 6 – 10 tế bào.



FNA



FNA

❖ Kết quả:

- Kết quả dương tính.
- + Dự đoán.
- + Chẩn đoán.
- + Tiên lượng.
- Kết quả âm tính.
- + Không trúng tổn thương chính.
- + Cố định, nhuôm sai.
- + Đọc sai sót.

FNA

- Biến chứng FNA.
- + Bầm - Bruising.
- + Tụ máu - Hematoma.
- + Nhiễm trùng - Infection.
- + Tràn khí màng phổi nếu kim sâu - pneumothorax.
- + Đau - Pain.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

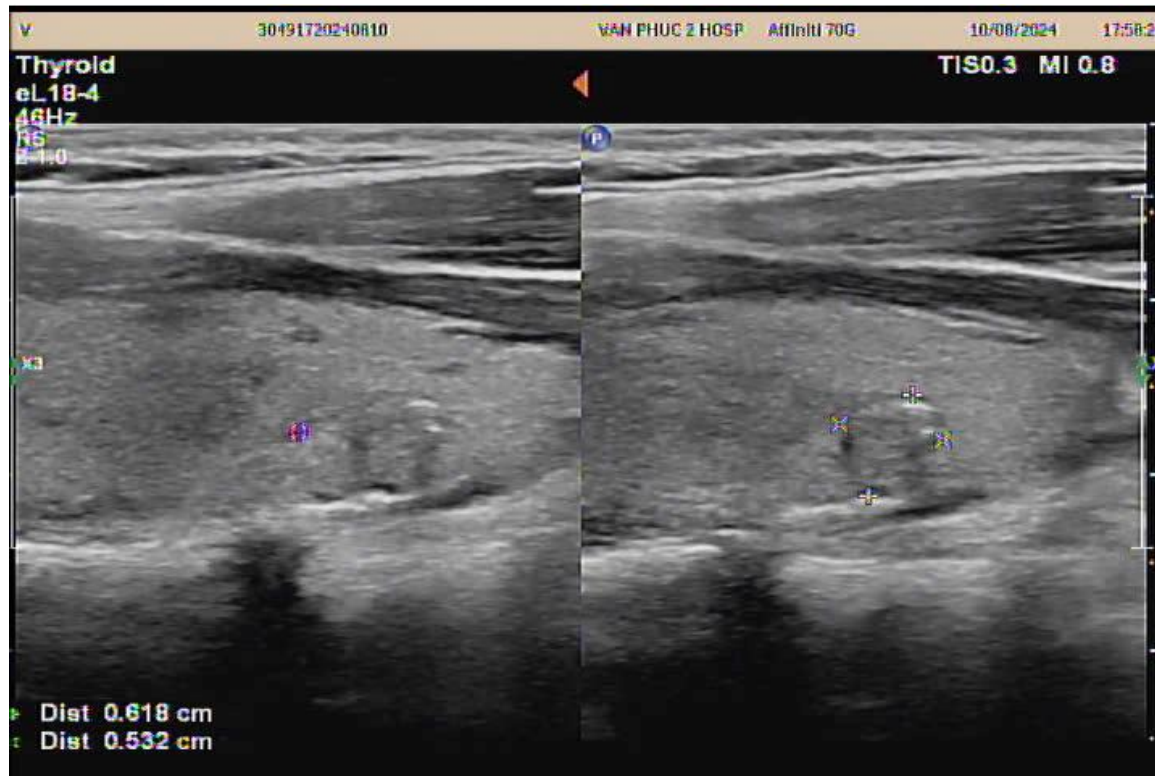
Nghiên cứu 30 bệnh nhân, tỷ lệ ác tính cho cả mẫu nghiên cứu là 10%(n=3).

Bảng 1. Đặc điểm hình ảnh trên siêu âm

Đặc điểm nhân giáp	Kết quả tế bào học		Tổng n= 30(100%)
	Lành tính (n)	Ác tính (n)	
Thành phần			
Nang	2	0	2 (6,7%)
Hỗn hợp	3	1	4 (13,3%)
Đặc	22	2	24 (80%)
Độ hồi âm			
Trống	2	0	2 (0,2%)
Đồng	3	0	3(12,6%)
Dày	2	1	3 (2,6%)
Kém	20	2	22 (80,3)
Đường bờ			
Đều	27	3	30 (100%)
Không đều	0	0	0 (0%)
Vôi hóa			
Không có	21	1	22 (73,3%)
Có	6	2	8 (26,7%)
Trục			
Ngang	25	3	28 (93,3%)
Dọc	2	0	2 (6,7%)

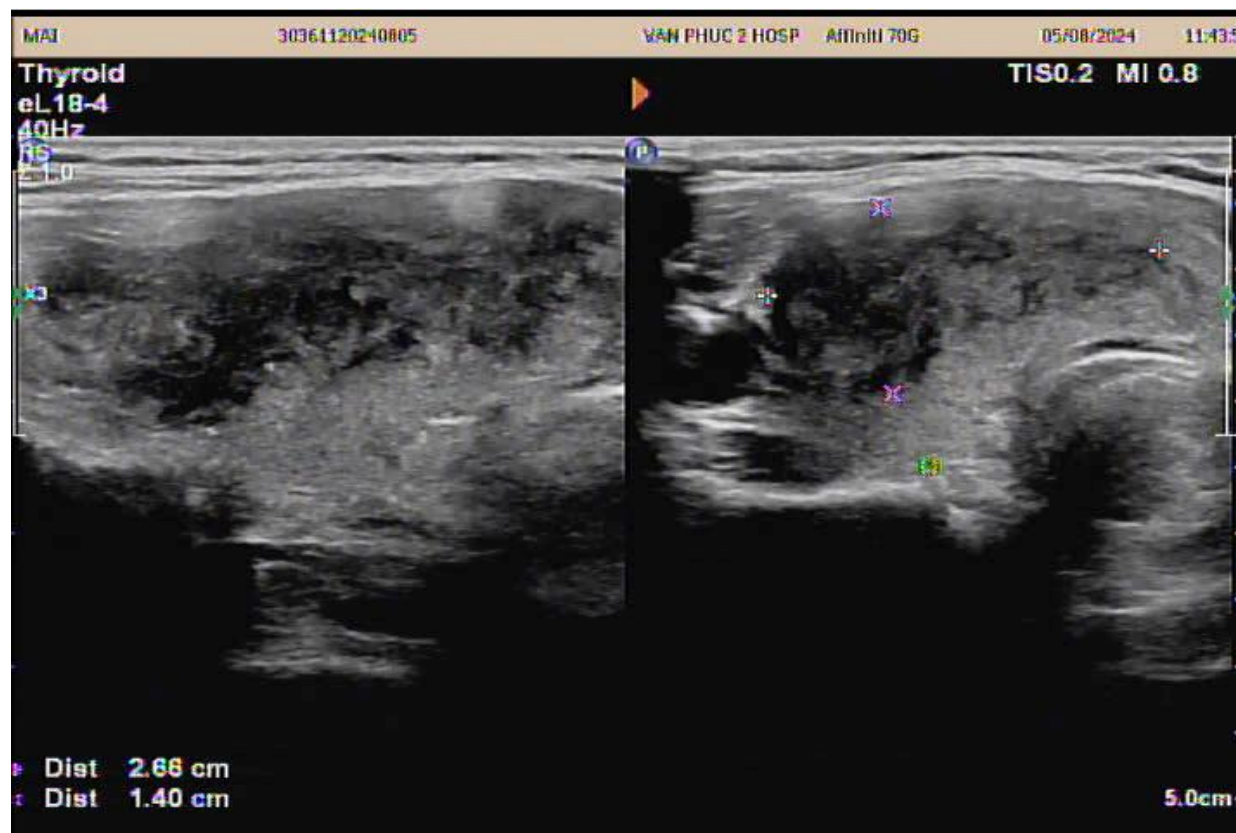
Có sự khác biệt giữa nhân lành tính và ác tính. Trong tiên lượng nhân ác tính, thành phần đặc, phản âm rất kém, có vôi hóa rất gợi ý.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Hình 1: Nhân giáp thùy phải Tirads IV, Phạm T.A.D, MBA: 240328765

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



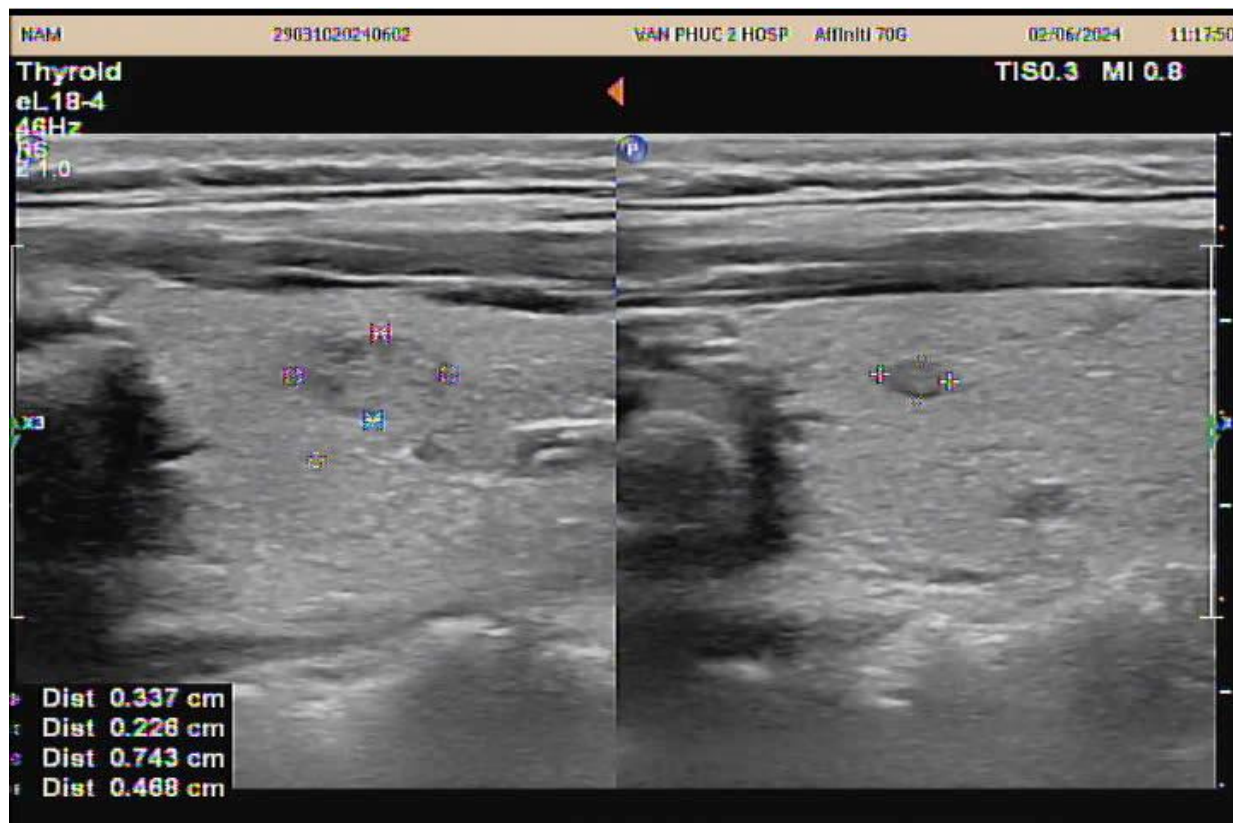
Hình 2: Nhân giáp thùy phải Tirads III, Đặng T.T.K,
MBA: 074183.17169611

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



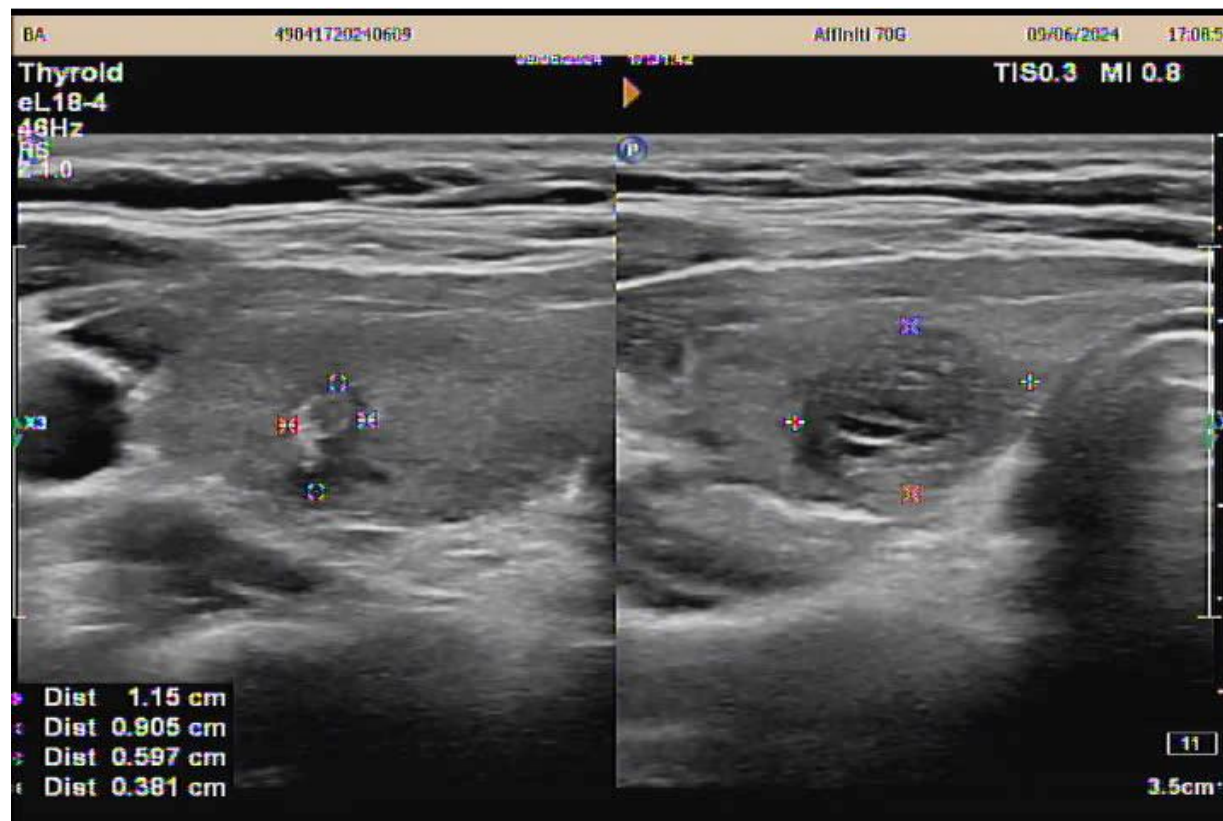
Hình 3: Nhân giáp thùy Trái Tirads IV, Triệu T.H, MBA: 240515010

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Hình 4: Nhân giáp thùy Trái Tirads III, Lại B.G,
MBA: 074183.17012320

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Hình 5: Nhân giáp thùy phải Tirads IV, Mai T.A.N, MBA: 240377434

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 2. Tỷ lệ lành tính, ác tính theo phân loại ACR- TIRADS 2017

Phân loại TI-RADS	Kết quả tế bào học		Nguy cơ % ác tính	Nguy cơ % ác tính
	Lành tính n	Ác tính n	Mẫu nghiên cứu	Theo khuyến cáo
TI-RADS 2	3	0	0	< 2
TI-RADS 3	17	1	5.6	5
TI-RADS 4	7	2	22.2	5-20

Nguy cơ ác tính tăng lên khi phân loại TI-RADS tăng lên.

BÀN LUẬN

Nhân dạng đặc của chúng tôi 24 nhân chiếm tỷ lệ 80%, trong đó nhân lành tính 91,7% và nhân ác tính 8,3%. Ở các nghiên cứu trong nước và thế giới hầu hết nhân ác tính chủ yếu dạng đặc (81,6–93%). Nguy cơ ác tính của các nhân đặc cao hơn (12,9–34,7%) so với các nhân dạng nang (3,3–7,1%)

Toàn bộ các nhân nang trong nghiên cứu của chúng tôi là lành tính. Tính chất phản âm kém gợi ý chẩn đoán ác tính. Kết quả đồng với một số tác giả. Nhân phản âm trống chỉ thấy lành tính.

Có mối tương quan chặt chẽ giữa phân loại TI-RADS theo ACR- 2017 và kết quả tế bào học. Số điểm trong phân loại TI-RADS càng cao nguy cơ ác tính càng cao

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Siêu âm tuyến giáp mô tả đầy đủ đặc điểm của nhân và xếp loại TI-RADS theo ACR- 2017.
- Nhân giáp nguy cơ ác tính cao nên thực hiện FNA.

THANKS FOR WATCHING !



Hoàn Mỹ